

Những tên đất xưa Ở TÂN THÀNH

Phan Chính

XÃ TÂN THÀNH, HUYỆN HÀM THUẬN NAM VỚI LỢI THẾ THIÊN NHIÊN, CẢNH QUAN CỦA MỘT BỜ BIỂN ĐẸP, VỪA ĐƯỢC QUY HOẠCH LÀ ĐỊA BÀN NAM BÌNH THUẬN VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH HÀNG ĐẦU CHÂU Á. TỪ 15 NĂM GẦN ĐÂY KHI CON ĐƯỜNG ĐT.719 TRÁI NHỰA VEN BIỂN, TỪ KÊ GÀ CHẠY NGANG QUA THUẬN QUÝ, TIẾN THÀNH ĐẾN PHAN THIẾT RÚT NGẮN 28 KM, MỚI THẤY HÀNG TRĂM NĂM TRƯỚC VÙNG ĐẤT NÀY THU MÌNH NHƯ MỘT ỐC ĐÀO, CHEO LEO... Ở ĐÂY TIỀM ẨN BIẾT BAO CHUYỆN KỶ THỦ TRUYỀN TỤNG MÃI SAU NÀY.

Lần theo các địa danh

Đó là dãy động cát hình cánh cung kéo dài từ phía núi Tà Cú đâm ra biển. Nhưng do quá trình biến xâm thực đã tạo nên hòn đảo nhỏ mang tên Kê Gà. Từ giữa thế kỷ XIX, trên bản đồ hàng hải ghi là Kê Chủy/Mũi Gà và

người Pháp viết thành Kéga. Động cát dài này, phần bên trong là Xích Khảm Sơn, bởi nhìn từ biển chỉ thấy lung đồi nghi là núi dù chỉ cao khoảng 260m, phủ màu cát đỏ. Còn đoạn cuối chồm ra biển với đá ghềnh chống chọi, tạo thành mũi Kê Gà. Ở đây có khe nước

ngọt nên bầy chim trĩ với bộ lông như gấm lụa thường xuất hiện mà sách xưa gọi là Cẩm Kê Sơn hay còn tên Kê Úc Đại Sơn (Núi lớn vùng Gà)... Địa hình dãy động núi Xích Khảm theo thuyết phong thủy thuộc hướng kim khôn. Trước đó hơn 300 năm, tư liệu Trung

có thôn nào mang tên Cổ Lũy Bắc như sự nhầm lẫn của các tác giả trong nhiều bài viết gần đây.

Thôn Cổ Lũy (xã Nghĩa Phú) nằm cách chân núi Phú Thọ (Thạch Sơn) một dòng sông nhỏ (sông Phú Thọ), mang vẻ đẹp cô liêu trầm mặc, màu nước lẫn màu trời trong bàng bạc sương khói lúc hoàng hôn, nên được ca ngợi là "Cổ Lũy cô thôn", một trong những thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyễn Cư Trinh (1716-1767), ông quan văn võ song toàn, từng là Tuần phủ Quảng Ngãi, có bài thơ nôm ca ngợi Cổ Lũy cô thôn, được người đời truyền tụng: *Giặc già đời mô đã đẹp rồi. Lũy xưa còn đắp xóm mô coi. Đá xây quanh quất theo bờ biển. Người ở cheo leo dưới cửa lồi. Trông thấy thuyền tình ba bốn*

phía. Vẳng nghe trống giục một đôi hồi. Hỏi thăm tạo hóa bao giờ đó. Thạch trận về đây mới đắp bồi...

Trở lại với tên gọi cửa Đại. Trên đất nước ta, không ít cửa sông có tên gọi là cửa Đại. Như trường hợp cửa Đại ở Hội An (Quảng Nam), Cửa Đại (một trong 9 cửa của hệ thống sông Mê Kông - Cửu Long) ở Nam bộ. Vậy nên, khi viết hoặc nói bằng các phương tiện truyền thông đại chúng, có diện phổ biến rộng, để tránh hiểu nhầm người ta thường thêm vào các định ngữ để phân biệt, như cửa Đại Hội An (Quảng Nam), cửa Đại Bình Đại (Bến Tre), cửa Đại Quảng Ngãi. Tất nhiên, khi viết (hay nói) "cửa Đại Cổ Lũy" thì đó là địa danh duy nhất xuất hiện ở Quảng Ngãi và không thể nhầm lẫn được. ■



Mũi Kê Gà

► Hoa có nói đến địa danh Xích Khảm trong *Minh thực lục* (Vũ Tông) về sự kiện năm Chính Đức thứ 10 (1515). Tập bản đồ hàng hải 1841 tại thư viện Đại học Yale (Nxb. VHVN 2016) sau này có trích dẫn bản đồ Taberd mô tả “Mũi Kega và hòn đảo nhỏ gần mũi Hòn Bà”. Và theo chữ Hán Nôm còn là Xích Khảm Đầu, mũi/mũi Xích Khảm...

Nhưng so với lịch sử hình thành vùng đất Tân Thành ngày nay thì làng Văn Kê có sớm nhất trong vùng đất phía nam Bình Thuận, vào khoảng 1771-1780. Thời kỳ Gia Long giành lại chính quyền, trả thù người theo Tây Sơn gây ra làn sóng lưu dân vào phía Nam. Một nhóm dân miền Trung đã phiêu tán vào đây mở đất lập làng do công của tiền hiền Nguyễn Võ. Tiếp đó là có làng Thạnh Mỹ do ông Huỳnh Văn Thường lập ra từ số dân vùng lân cận làm nghề ruộng rẫy và định cư trên cung đường quan báo có dịch trạm Thuận Lâm (Trương Máy)... nối với trạm Thuận Lý (Phan Thiết) và Thuận Trinh (Tam Tân). Con đường quan báo thời Nguyễn bấy giờ thường mở theo ven biển, nhưng riêng đoạn bờ biển này đầy ghềnh đá của Cẩm Kê Sơn dài đến Khe

Cà (Đại Khê) lấn ra sát biển nên phải cắt đường rừng từ Tam Tân qua Thạnh Mỹ, Bàu Trâm, Xóm Trạm để đến Phan Thiết.

Khi Bình Thuận trở thành tỉnh (1832), vùng đất này thuộc tổng Đức Thắng, phủ Hàm Thuận có tên Văn Kê thôn, cùng thời với Phong Điền thôn (theo *Địa bạ triều Nguyễn-Bình Thuận*). Nhưng đến năm 1950, ở đây thuộc vùng căn cứ kháng chiến chống Pháp của Bình Thuận, tên chính thức là xã Tân Thành, rộng đến các địa bàn Hàm Minh, Thuận Quý ngày nay. Do vậy phải chia làm 3 xã Tân Tiến, Văn Kê và Tân Dân (Thạnh Mỹ) cho đến ngày kết thúc chiến tranh tháng 7-1954. Khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp quản, lấy tên xã Văn Mỹ cho đến ngày giải phóng 1975 mới trở lại tên xã Tân Thành.

Đất xưa tích cũ

Khác với nhiều nơi, địa danh xóm làng thường có sau khi cư dân mở đất lập làng... Nhưng ở đây, địa danh lại ra đời trước do cách đặt tên theo địa hình, đặc điểm của giới hàng hải trên vùng biển Đông để làm tiêu danh trên bản đồ với góc

nhìn ước lượng, mô tả. Sách *Đại Nam nhất thống chí* (Bình Thuận) có ghi: “Núi Cẩm Kê ở phía tây 52 dặm. Phía nam sát biển, có những hòn đá lớn nằm ngang ra bờ biển, Ở ngoài có hòn đảo tên là Kê Dữ (Đảo Gà)”. Khi thủy triều xuống mới thấy không có khoảng cách đáng kể giữa bờ biển với hòn đảo nhỏ có tháp hải đăng xây cách đây gần 120 năm. Địa hình đó chỉ là mũi đất nối dài dãy núi Cẩm Kê. Cho nên không mấy ai gọi là đảo Kê Gà. Theo bước chân Đại sư Hữu Đức, pháp danh Thông Ân trước khi khai sơn chùa núi Tà Cú (Linh Sơn Trường Thọ tự), vào khoảng năm 1842 đã đến làng Văn Kê. Ngài chọn góc chân động cát cao, dựng thảo am mở pháp, tu tập. Từ đó có tên Động Chùa và cách ngôi chùa Kỳ Viên xây mới hiện nay khoảng vài trăm thước. Cũng ở ngôi chùa này còn lưu giữ 11 sắc phong thời triều Nguyễn ban cho các linh thần và thành hoàng có công mở đất lập làng. Trong đó nhiều sắc phong chỉ nhằm thể hiện phép nước, “cương giới” của triều đình. Đến nay vẫn chưa giải mã được vì sao với một làng nhỏ, dân thưa mà lại có nhiều sắc phong?

Mãi đến nay dù xã hội phát triển, mối giao lưu văn hóa mở rộng nhưng ở đây người theo đạo Phật thuần phác và họ tộc quanh quần người làng. Sự khác biệt trong khu vực, chỉ có xã Tân Thành chưa có nhà thờ Thiên Chúa giáo. Vùng đất này có khá nhiều địa danh khe, đò, hòn, động như Khe Cả, Đá Dẫm, Tùm Lum, Hòn Lan, Hòn Một, Động Cờ, Từ Bi... với những huyền thoại thần diệu, giàu tính nhân văn. Dân nghề biển Văn Kê đã biết dựa vào góc mũi Kê Gà núp gió bão. Khi vào mùa bắc thổi đẩy xuống, thúng chai nép xuống bờ phía nam và lúc trở nổi biển động thì chuyển qua phía bắc gió lặng sóng im... Dòng khe nước ngọt (Khe Gà) cuối xóm chài, phía Hòn Lan đã bị cát bồi lấp trở thành chuyện của ngày xưa.

Tà Đặng hay Bà Đặng

Trong số những địa danh giàu hình tượng, kỳ bí... trên mảnh đất từng chìm lảng dưới một không gian ảo mộng hàng trăm năm như địa danh núi Bà Đặng ở phía tây của xã Tân Thành. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “Núi Thị Đặng- ở phía tây huyện 80 dặm, giáp giới huyện Tuy Lý. Giữa đồng cát mọc lên một núi, cây cỏ xanh tốt”, tức cách đây gần 200 năm đã có tên Bà Đặng theo người Việt. Ngọn núi này không cao, nhưng có sự sắp đặt của thiên nhiên với

những tảng đá kỳ lạ được đặt tên Hòn Trống, Lò Rượu, Giếng Tiên, Bàn Cờ... từ bao giờ. Theo người bản xứ kể lại xa xưa đó là núi Tà Đặng. Là một trong năm ngọn núi trong vùng đều có thành tố chung Tà ở đầu của tên núi và với suy diễn qua nghĩa Việt (tà ma) thì coi đó là thần núi. Đó là các núi Tà Dôn, Tà Dụ (hướng Mường Mán), Tà Dung (đọc trại từ Vung), Tà Cú và Tà Đặng... Cũng do kiêng kỵ chữ Tà nên tên chùa Tà Cú phải đọc thành Trà. Năm 1964, nhà sư Thích Hưng Từ viết tập *Lược sử chùa Tà Cú* do Hòa thượng Thích Vĩnh Thọ (quê Phú Yên) trụ trì và ghi là Trà Cú. Trong *Lược sử Phật giáo Bình Thuận* (NXB. Tổng hợp TP. HCM, 2012) ghi chùa Linh Sơn Trường Thọ tọa lạc trên đỉnh núi Trà Cú...

Với cư dân làng Thạnh Mỹ, Văn Kê ngày xưa đều cất nhà mặt hướng về phía biển Đông, dựa lưng theo chân động có tên Xích Khảm Sơn và Cẩm Kê Sơn. Trong khi đó đã có con đường quan báo đi ngang. Người ta kể các bậc trưởng lão của làng cho rằng, vì sự yên bình của làng không thể quay mặt vào phía núi Tà Đặng dù có con đường, cũng vì âm ảnh với chữ Tà! Nên sau này đổi từ Tà Đặng thành Bà Đặng. Nhưng Đặng ở đây cũng có thể nghĩ là cách “mượn âm” của Động, Giồng theo địa hình ngọn núi thấp. Thực ra sự tích Bà Đặng cũng chỉ là tương

truyền của người xưa không có gì rõ lắm. Với sách *Đại Nam nhất thống chí* đã dẫn, nói đến “Núi Thị Đặng” cũng chỉ dựa vào cách gọi của người địa phương thời đó.

Trong *Nghiên cứu địa danh* của TS. Lê Trung Hoa, NXB. Khoa học Xã hội, 2003 có đề cập đến một địa danh Trà Cú ở vùng đất Nam bộ, đã ghi: “Trà Cú: Chúng tôi chưa rõ Thkó là gì. Nhưng về mặt ngữ âm Thkó biến thành Trà Cú là hoàn toàn có khả năng”. Nhiều tư liệu Trà hay Tà cũng từ ngữ âm của người dân tộc Khmer với nghĩa là ông, khá phổ biến ở miền Nam. Và ở các tỉnh miền Trung, Bình Thuận nhiều địa danh có thành tố chung đứng trước là Tà, Trà âm tiết của Ka (Chăm) mà người Việt phát âm theo. Việc diễn dịch theo nghĩa Hán Nôm sẽ càng thấy bất cập vì phần lớn do phát âm, thanh điệu, chệch âm hay do kiêng cử... đã được Việt hóa nên không thể có chung ngữ nghĩa ban đầu của dân tộc bản địa. Chữ Tà hay Trà (Trà cũng từ gốc Ia - sông, nước) đi với một địa danh không những chỉ ở Bình Thuận mà nhiều nơi cũng có, cho nên nếu đặt nặng về ngữ nghĩa rất khó thuyết phục. Bởi lẽ tìm hiểu một địa danh, trước nhất phải hiểu rõ lịch sử hình thành về đặc điểm cư dân vùng đất đó. Đây vẫn là câu chuyện cho những người quan tâm phải luận bàn? ■

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Thời gian qua từ ngày 15-6 đến 15-7, Tòa soạn Tạp chí *Xưa&Nay* đã nhận được thư, bài của: Nguyễn Duy Chính (Hoa Kỳ). Trần Xuân An, Tôn Thất Thọ, Phạm Bá Nhiều, Lưu Đình Tuấn, Vũ Kim Lộc (TP.HCM). Phan Trường Nghị, Nguyễn Thanh Quang (Bình Định). Nguyễn Văn Giác (Bình Dương). Lê Công Lý (Tiền Giang). Phan Chính (Bình Thuận). Long Thái (Long An). Lê Hồng Khánh (Quảng Ngãi). Lê Quang Chấn (Hà Nội). Phạm Thuận Thành (Bắc Ninh).

Tòa soạn rất mong nhận được bài viết đã đánh máy vi tính của quý vị. Có thể gửi file qua địa chỉ E-mail: xuanay@yahoo.com.

Xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục cộng tác.